

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC**  
*NĂM BÁO CÁO: 2018*

**I. Thông tin chung:**

1. *Thông tin khái quát :*

- Tên giao dịch : CÔNG TY CỔ PHẦN KHO VẬN PETEC
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 3700791715
- Vốn điều lệ : 71.925.500.000 đồng
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 71.925.500.000 đồng
- Địa chỉ: Lô G1-9 , Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên , Tỉnh Bình Dương
- Số điện thoại: (0274) 3652 768 – (0274) 3652 769
- Số fax: (0274) 3652 766
- Website: [www.petclogistics.com.vn](http://www.petclogistics.com.vn)
- Mã cổ phiếu: PLO

*Quá trình hình thành và phát triển:*

+ Ngày thành lập: 11/4/2007

+ CTCP Kho vận Petec được Sở Kế hoạch và Đầu tư (Sở KH&ĐT) tỉnh Bình Dương cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu vào ngày 11/04/2007 với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 đồng. Từ khi thành lập đến nay Công ty chỉ thực hiện 01 lần phát hành vào ngày 31/03/2009, tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng lên 71.925.500.000 đồng bằng hình thức phát hành cho cổ đông hiện hữu và cho đối tượng khác.

+ Các mốc sự kiện quan trọng :

**Năm 2007:** Công ty xây dựng mới hệ thống kho có tổng diện tích 150.000 m<sup>2</sup>. Trong năm 2007 hoàn tất xây dựng kho đầu tiên diện tích 23.000 m<sup>2</sup>, và đã được Tổng Cục Hải Quan cấp phép thành lập Kho Ngoại Quan.

**Năm 2009:** Công ty tiếp tục xây dựng thêm 30.000 m<sup>2</sup> kho bao gồm kho nội và kho ngoại quan. Với trang thiết bị hiện đại, tọa lạc tại KCN Nam Tân Uyên, tỉnh Bình Dương. Nằm trên con đường huyết mạch từ Tây Nguyên xuống các tỉnh miền Đông Nam Bộ và Tp.Hồ Chí Minh, có nhiều thuận lợi cho hoạt động logistics như đường giao thông thuận lợi cách trung tâm Tp.Hồ Chí Minh 30 km (50 phút), cảng Sài Gòn khoảng 25 km (45 phút), cảng hàng không Tân Sơn Nhất khoảng 30 km (40phút), cảng kho Sóng Thần 14 km (15 phút). Ngoài ra, Công ty còn có mạng lưới các chi nhánh hoạt động rộng khắp trên lãnh thổ Việt Nam và trên thế giới rất thuận lợi cho quý khách hàng đảm bảo được sự lưu trữ, bảo quản và lưu thông hàng hóa an toàn, nhanh chóng và hiệu quả nhất với chi phí hợp lý nhất.

Công ty tăng vốn từ 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) lên 71.925.500.000 đồng (Bảy mươi một tỷ chín trăm hai mươi lăm triệu năm trăm ngàn đồng).

**Năm 2011:** Công ty thành lập 02 chi nhánh tại địa chỉ 63 Đào Duy Anh, Tp.Hồ Chí Minh và Tổ 2, ấp Long Bình, tỉnh Tây Ninh. Trong năm Công ty cũng thành lập thêm 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu tại địa chỉ số 94, đường DT 744, tỉnh Bình Dương.

**Năm 2013:** Công ty đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 1 tại số 308/04 đường ĐT747B, tỉnh



# CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018

**Năm 2015:** Công ty tiếp tục đóng cửa cửa hàng xăng dầu số 2 tại số ấp Tân Lập, xã An Điền, tỉnh Bình Dương và thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 63 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

**Năm 2017:** Công ty thay đổi địa chỉ chi nhánh Công ty từ số 123 Đào Duy Anh, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh sang 81/15 Hồ Văn Huê, quận Phú Nhuận, Tp.Hồ Chí Minh.

## *2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:*

- Ngành nghề kinh doanh chính: hoạt động trong lĩnh vực logistics và xuất nhập khẩu

- Địa bàn kinh doanh:

+ Khu Công nghiệp Nam Tân Uyên, Thị xã Tân Uyên, Tỉnh Bình Dương

+ Các Quận tại Thành Phố Hồ Chí Minh

## *3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:*

- Hội Đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát trong năm và đến ngày lập báo cáo này như sau:

### **Hội Đồng Quản trị:**

Ông: Nguyễn Văn Lịch	Chủ tịch
Ông: Hoàng Minh Tuấn	Thành Viên
Ông Huỳnh Xuân Hồng	Thành Viên

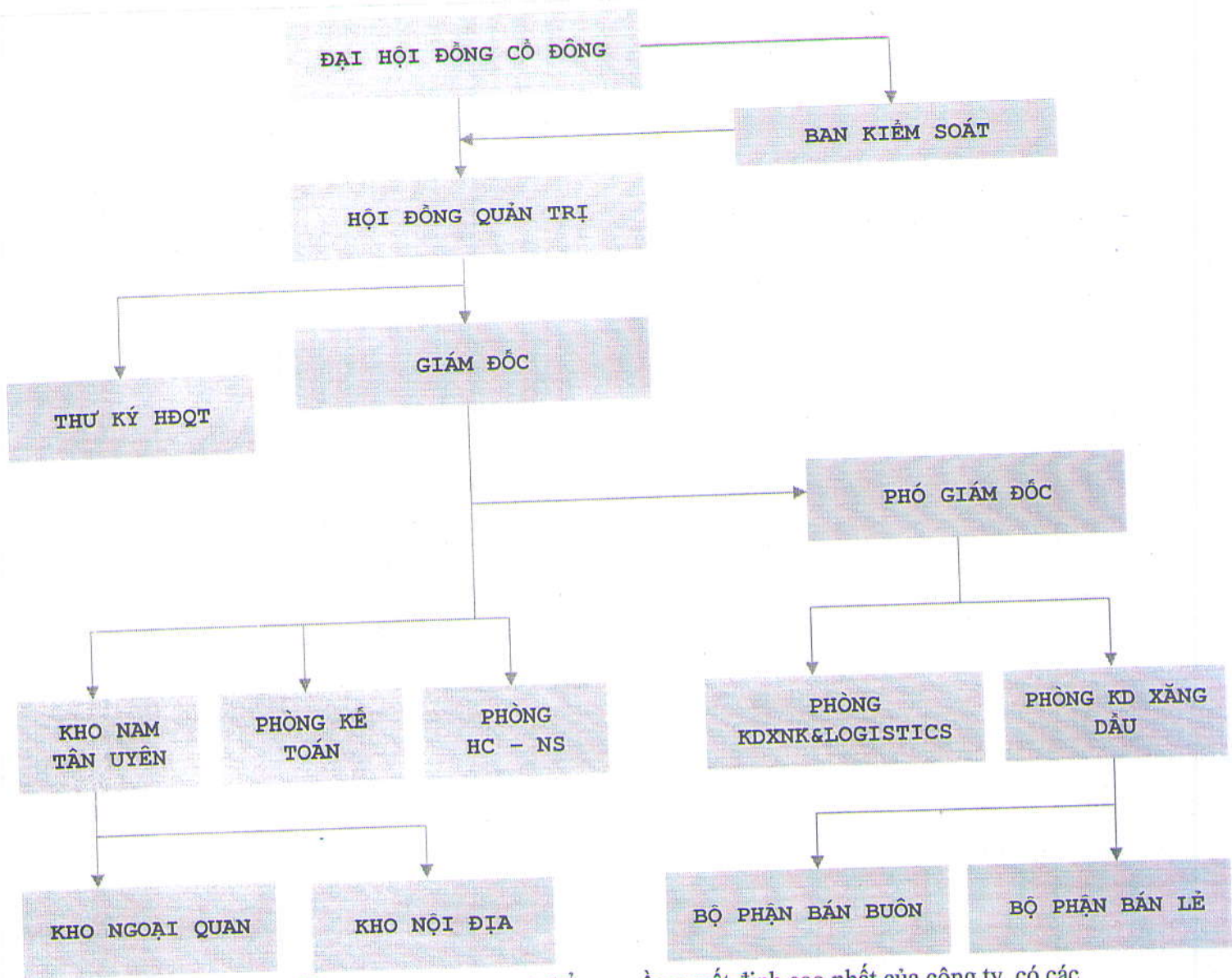
### **Ban Giám Đốc:**

Ông: Huỳnh Xuân Hồng	Giám Đốc
Ông: Lý Hoài Nam	Phó Giám Đốc

### **Ban Kiểm soát:**

Ông: Bùi Minh Hiệp	Trưởng Ban
Ông: Hoàng Anh Tuấn	Thành Viên
Ông: Vũ Anh Cường	Thành Viên

- Cơ cấu bộ máy quản lý:



**Đại Hội đồng cổ đông:** Là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của công ty, có các quyền và nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty, trong đó có quyền bầu, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát.

**Hội đồng quản trị:** Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

**Ban kiểm soát:** Là những người thay mặt cho các cổ đông kiểm soát toàn bộ hoạt động của Công ty. Ban kiểm soát do Đại hội đồng cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh và Báo cáo tài chính của Công ty.

**Ban Giám Đốc:** Gồm Giám đốc, Phó Giám đốc.

Giám đốc công ty là người có quyền điều hành cao nhất trong công ty; trực tiếp chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của công ty và thi hành các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị theo nhiệm vụ và quyền hạn được giao.



lý, điều hành một hoặc một số lĩnh vực của Công ty; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Giám đốc, Hội đồng quản trị, cổ đông và pháp luật về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

**Thư ký HĐQT:** Thư ký HĐQT do HĐQT bổ nhiệm, là người có nhiệm vụ hỗ trợ và thực hiện các nhiệm vụ do HĐQT giao; chịu trách nhiệm trực tiếp trước Hội đồng quản trị về các phần việc được phân công và ủy nhiệm.

**Kho Nam Tân Uyên:** gồm Kho ngoại quan và Kho nội địa.

**Phòng Kế toán:** Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kế toán của Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

**Phòng Hành chính – Nhân sự:** Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động hành chính và nhân sự toàn Công ty trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

**Phòng KDXNK và Logistics:** Xây dựng, thực hiện và quản lý các hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu và logistics trên cơ sở chiến lược phát triển của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

**Phòng Kinh doanh Xăng dầu:** gồm Bộ phận bán buôn và Bộ phận bán lẻ; trực tiếp quản lý hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty và theo đúng quy định Pháp luật.

- Các công ty con, công ty liên kết:

- Công ty mẹ: không có
- Công ty con, công ty liên kết:

Công ty cổ phần Bất động sản và Kỹ thuật Xăng Dầu

Địa chỉ: 194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Phường 06, Quận 3, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam.

Giá trị khoản đầu tư: 10.000.000.000 đồng. Tỷ lệ sở hữu: 26,11%.

#### *4. Định hướng phát triển:*

##### ▪ **Mục tiêu hoạt động chủ yếu:**

Mục tiêu hoạt động của Công ty là huy động và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh nhằm mục tiêu mang lại lợi nhuận tối đa hợp pháp; tạo công ăn việc làm ổn định cho người lao động; thực hiện nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

##### ▪ **Chiến lược phát triển trung và dài hạn:**

Hiện tại với đội ngũ cán bộ, công nhân viên đã qua đào tạo nghiệp vụ chuyên ngành phù hợp, với mục tiêu chính là xây dựng công ty ngày càng phát triển vững mạnh, tăng cao hiệu quả đầu tư của các cổ đông, nâng cao đời sống cán bộ, công nhân viên, đóng góp ngày càng nhiều vào ngân sách nhà nước. Công ty định hướng lĩnh vực kinh doanh chính là hoạt động kinh doanh xăng dầu và hoạt động cho thuê kho; đồng thời đặt mục tiêu giải quyết các khoản nợ xấu theo đúng quy định của pháp luật và có hiệu quả là ưu tiên hàng đầu.

Nâng cao trình độ, kinh nghiệm và khuyến khích động viên người lao động vì lợi ích chung của Công ty. Trên cơ sở các nguồn lực của Công ty tự tìm kiếm hoặc liên doanh, liên kết với đơn vị kinh tế khác để tổ chức sản xuất, kinh doanh ngành nghề pháp luật không cấm khác nhằm tăng hiệu quả sản xuất - kinh doanh của Công ty, mang lại lợi ích hài hòa cho các cổ



**5. Các rủi ro:**

- Tình hình kinh tế năm 2018 gặp nhiều khó khăn, trong đó vấn đề tài chính luôn là đề tài nóng bỏng cũng là sự nhức nhối của các doanh nghiệp. Việc lạm phát tăng cao cộng với sự quản lý tài chính của Ngân hàng nhà nước theo chính sách thắt chặt tín dụng, nghĩa là lãi suất vay được đẩy lên rất cao cho những món nợ vay cũ và rất khó giải ngân cho các khoản vay mới.
- Với tình hình như vậy, doanh nghiệp phải gánh chịu lãi vay rất lớn trong năm 2018, có lúc tưởng chừng như “ bong bóng tài chính “ sẽ vỡ khi lãi suất ngân hàng có lúc lên cao hơn mức 11%/ năm.

**II. Tình hình hoạt động trong năm:**

**1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:**

Các chỉ tiêu tài chính về doanh thu, lợi nhuận của năm 2018, cụ thể:

CHỈ TIÊU	Thực hiện	Kế hoạch	(%) so với kế hoạch
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	118.033.383.802	147.500.000.000	80,0%
Giá vốn hàng bán	108.139.605.749	137.900.000.000	78,4%
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	9.893.778.053	9.600.000.000	103,1%
Chi phí tài chính	3.480.889.210	3.400.000.000	102,4%
Chi phí bán hàng	1.858.853.119	1.200.000.000	154,8%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	3.750.481.560	4.000.000.000	93,8%
Các khoản dự phòng	60.849.270		
Dự phòng nợ phải thu khó đòi	14.631.002	0	
Dự đầu tư tài chính dài hạn	46.218.268	0	
Lợi nhuận sau khi trích dự phòng và thuế thu nhập doanh nghiệp	1.191.987.669	1.000.000.000	119,2%

**2. Tổ chức và nhân sự:**

- Danh sách Ban điều hành:

**Ban Điều Hành:**

Ông: Huỳnh Xuân Hồng

Giám Đốc

Ông: Lý Hoài Nam

Phó Giám Đốc

Ông: Mai Huy Hoàng

Kế toán trưởng

- Những thay đổi trong ban điều hành: Không có

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2018)

**Cơ cấu người lao động**

A	Theo trình độ	40	100,00%
---	---------------	----	---------

2	Cao đẳng	8	20,00%
3	Khác	20	50,00%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>40</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	40	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi túc chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thưởng theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

3. *Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án:*

- a) Các khoản đầu tư lớn: Không có
- b) Các công ty con, công ty liên kết: Không có

4. *Tình hình tài chính:*

- a) Tình hình tài chính:

Chi tiêu	Năm 2017	Năm 2018
Tổng giá trị tài sản	46,293,043,398	43,010,808,469
Doanh thu thuần	102,357,433,289	118,033,383,802
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-4,384,648,962	734,469,743
Lợi nhuận khác	-129,195,831	457,517,926
Lợi nhuận trước thuế	-4,513,844,793	1,191,987,669
Lợi nhuận sau thuế	-4,513,844,793	1,191,987,669
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(628)	166



b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chi tiêu	ĐVT	Năm 2017	Năm 2018
<i>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i>			
+ Hệ số thanh toán hiện hành:	Lần	0.11	0.09
+ Hệ số thanh toán nhanh:	Lần	0.11	0.08
<i>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	128.39%	127.78%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	-452.29%	-459.96%
<i>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i>			
+ Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	490.21	309.54
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	2.18	2.64
<i>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-4.41%	1.01%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu BQ	%	41.47%	-9.50%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản BQ	%	-9.62%	2.67%
+ Hệ số Lợi nhuận HĐKD/Doanh thu thuần	%	-4.28%	0.62%

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

a) Cổ phần:

- Tính đến ngày 31/12/2018 Vốn điều lệ của Công ty như sau:

+ Vốn điều lệ: 71.925.500.000 VNĐ

+ Số lượng cổ phần : 7.192.550 CP

b) Cơ cấu cổ đông:

**Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty tại ngày 31/12/2018:**

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
1	Tổng Công Ty Thương Mại Kỹ Thuật và Đầu Tư - CTCP	0300649476	194 Nam Kỳ Khởi Nghĩa, Quận 3, Tp. Hồ Chí Minh	2.020.000	28,08%
2	CTCP Bất Động Sản & Kỹ Thuật Xăng Dầu (PETEC LAND)	0305767547	51 Trần Khánh Dư, Phường Tân Định, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh	800.000	11,12%
3	Huỳnh Xuân Hồng	024364268	78C17 Phạm Ngũ Lão, Phường 13, Quận Gò Vấp, Tp. Hồ Chí Minh	618.487	8,6%





**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018**

STT	Tên	Số ĐKKD	Địa chỉ	Số lượng cổ phần sở hữu	Tỷ lệ (%) / VDL thực góp
4	Ngân hàng TMCP Đông Á	0301442379	130 Phan Đăng Lưu, Quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh	540.000	7,51%
<b>Tổng cộng</b>				<b>3.978.487</b>	<b>55,31%</b>

**Cổ đông sáng lập:**

Công ty Cổ phần Kho vận Petec được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu ngày 11/04/2007. Do đó, theo Điều 119 Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014, cổ phiếu phổ thông của cổ đông sáng lập đã hết thời gian bị hạn chế chuyển nhượng.

**Cơ cấu cổ đông:**

STT	Họ tên	Số lượng cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ % trên vốn điều lệ thực góp
<b>I</b>	<b>Cổ đông trong nước</b>	<b>430</b>	<b>7.192.550</b>	<b>100,00%</b>
	<i>Tổ chức</i>	05	3.041.000	42,28%
	<i>Cá nhân</i>	425	4.151.550	57,72%
<b>II</b>	<b>Cổ đông nước ngoài</b>	-	-	-
	<i>Tổ chức</i>	-	-	-
	<i>Cá nhân</i>	-	-	-
<b>III</b>	<b>Cổ phiếu quỹ</b>	-	-	-
	<b>Tổng cộng</b>	<b>430</b>	<b>7.192.550</b>	<b>100,00%</b>

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp: Tại KCN Nam Tân Uyên và mua điệt trực tiếp tại Điện lực Bình Dương.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm



có

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm):

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Công ty đã sử dụng nguồn nước do Công ty cấp nước Bình Dương cung cấp. Toàn bộ nguồn nước đã qua sử dụng được thải vào hệ thống thải tập trung của KCN, không sử dụng nước tái chế và tái sử dụng.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: Không có

6.4. *Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:*

- Công ty luôn thực hiện đúng bảo vệ môi trường

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. *Chính sách liên quan đến người lao động:*

- Số lượng cán bộ, nhân viên:

Số lượng người lao động trong Công ty (tính đến ngày 31/12/2018)

**Cơ cấu người lao động**

STT	Tính chất phân loại	Năm 2017	Tỷ lệ
<b>A</b>	<b>Theo trình độ</b>	<b>40</b>	<b>100,00%</b>
1	Đại học	12	30,00%
2	Cao đẳng	8	20,00%
3	Khác	20	50,00%
<b>B</b>	<b>Theo tính chất hợp đồng lao động</b>	<b>40</b>	<b>100,00%</b>
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	-	-
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	40	100,00%

▪ **Chính sách đào tạo:**

Công ty tuyển dụng người lao động đã được đào tạo phù hợp với vị trí công tác. Trong hoạt động hàng ngày, Công ty tổ chức hướng dẫn, bồi dưỡng chuyên môn để phù hợp với yêu cầu thực tế và nâng cao kinh nghiệm, kỹ năng xử lý nhằm hoàn thành tốt hơn nhiệm vụ được giao.

▪ **Chính sách lương thưởng, phúc lợi:**

CTCP Kho vận Petec áp dụng chính sách lương đã được xây dựng phù hợp với tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh và tuân thủ các quy định hiện hành. Công ty thường theo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh và thưởng cuối năm.

Công ty trang bị đầy đủ trang bị, bảo hộ lao động theo yêu cầu từng vị trí công tác; thực hiện khám sức khỏe định kỳ có chất lượng; thực hiện đầy đủ các chế độ, chính sách cho người lao động; nộp đầy đủ, đúng kỳ hạn về BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ cho người lao động.

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN:  
Không có

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau:

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**

##### Kinh doanh xăng dầu:

Trong năm 2018, hoạt động kinh doanh xăng dầu của Công ty đã đi vào ổn định, một số mục tiêu chủ yếu đối với kinh doanh xăng dầu đã đạt được:

- Duy trì dòng tiền, thanh khoản cho hoạt động SXKD của Công ty: với tổng doanh thu 96,6 tỷ/năm (bình quân: 8 tỷ đồng/tháng) đã đảm bảo cho việc đáo nợ ngân hàng, không phát sinh nợ quá hạn.
- Công nợ đối với khách hàng xăng dầu không thay đổi (dư nợ đầu năm: 8,5 tỷ, cuối năm là: 8,435 tỷ, trong đó nợ khó đòi là: 7,3 tỷ - đã trích dự phòng).
- Lợi nhuận gộp của kinh doanh xăng dầu là: 1,487 tỷ đồng (lợi nhuận sau chi phí bán hàng là: 555 trđ, sản lượng bán buôn: 5.700 m<sup>3</sup> – bình quân: 52 đồng/l; sản lượng bán lẻ là 244 m<sup>3</sup> – bình quân: 1.060 đồng/l).

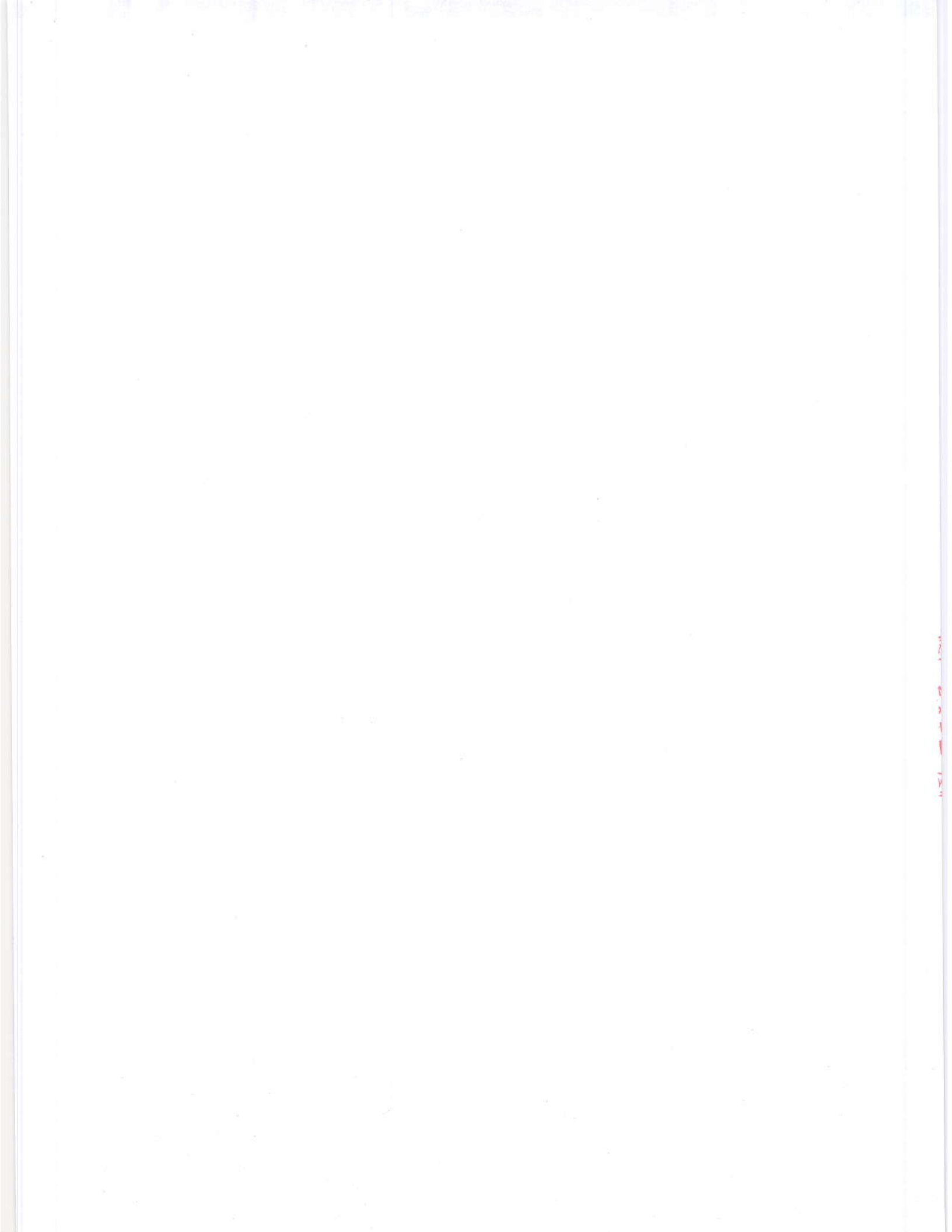
Kinh doanh xăng dầu còn một số khó khăn và tồn tại sau:

- Do thực hiện chính sách bán hàng an toàn về công nợ tài chính, giảm dần công nợ tín chấp và quy định của Nghị định 83, nên một số khách hàng đã không tiếp tục ký hợp đồng với Công ty và sản lượng bán lẻ đạt rất thấp.
- Không phát triển được hệ thống bán lẻ, hiện Công ty chỉ có 01 cửa hàng bán lẻ, không đạt qui định đối với Tổng đại lý theo Nghị định 83.
- Tình hình thu hồi nợ xấu tuy có nhiều cố gắng, nhưng vẫn không đạt được kết quả nào.

##### Dịch vụ cho thuê kho và các dịch vụ phụ trợ kho:

Dịch vụ cho thuê kho đã có tăng trưởng tốt hơn so với năm trước (tăng 64%), vượt so với kế hoạch (16%) và đã cho thuê toàn bộ kho. Năm 2018, kết quả kinh doanh dịch vụ cho thuê kho đạt được như trên là do: Công ty đã bằng nhiều biện pháp đã tìm kiếm, đàm phán và ký kết hợp đồng với các khách hàng có nhu cầu thuê kho ổn định lâu dài,





# CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018

Ngoài ra, tình hình kinh tế vĩ mô phát triển tốt và chính sách kinh tế trong nước ổn định đã làm cho nhu cầu dịch chuyển hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như thuê kho của các khách hàng tăng lên trên cả nước nói chung và tại tỉnh Bình Dương nói riêng.

Dịch vụ phụ trợ kho cũng đã có mức tăng trưởng khá tốt với mức doanh thu vượt kế hoạch là 2,9%, tăng 24,8% so với cùng kỳ năm trước. Kết quả đạt được là Công ty đã phân đầu thực hiện tốt các dịch vụ logistics cho khách hàng thuê kho ngoại quan làm cơ sở cho khách hàng gia tăng sản lượng hàng hóa nhập xuất qua kho. Ngoài ra, Công ty cũng cung cấp dịch vụ phụ trợ tại kho cho một số khách hàng thuê kho nội địa với doanh thu không đáng kể.

## Kinh doanh nông sản:

Mảng kinh doanh nông sản được xây dựng trên kế hoạch năm 2018 với doanh thu 20 tỷ và lợi nhuận 0,5 tỷ, chủ yếu nhằm vào 02 mặt hàng là xuất khẩu cà phê và kinh doanh nội địa hạt điều. Tháng 09/2018, Công ty ký hợp đồng tín dụng mới với OCB, hạn mức vay mới là 38,122 tỷ đồng (trong đó nợ cũ là: 36 tỷ đồng), với hạn mức khả dụng là: 2,1 tỷ đồng, chỉ đủ để đáp ứng cho mảng kinh doanh XD và luân chuyển chi phí thường xuyên, trong năm 2018, mảng kinh doanh này không triển khai được chủ yếu là do vấn đề tài chính.

## Dịch vụ hỗ trợ kinh doanh xăng dầu:

Mảng kinh doanh này được xây dựng trên kế hoạch năm 2018 với doanh thu 0,5 tỷ và lợi nhuận 0,2 tỷ, chủ yếu phục vụ cho hệ thống cây xăng của Tổng Công ty Petec trên cơ sở tận dụng nguồn nhân lực hiện có của Công ty. Tuy nhiên, do có nhiều nguyên nhân khách quan cũng như sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị cung cấp dịch vụ này dẫn đến công ty chỉ triển khai được hoạt động này ở mức độ hạn hẹp, trong năm 2018 doanh thu thực hiện là: 170 trđ, lợi nhuận: 24 trđ.

## 2. Tình hình tài chính:

### a) Tình hình tài sản:

Chỉ tiêu	Cộng
<b>Nguyên giá</b>	
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>34,352,526,830</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>625,843,146</b>
- Mua trong năm	-
- Đầu tư XD/CB hoàn thành	



**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018**

- Tăng khác	-
<b>Số giảm trong năm</b>	<b>2,505,124,748</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-
- Thanh lý, nhượng bán	2,505,124,748
- Giảm khác (kiểm kê thiếu)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>32,473,245,228</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>	
<b>Số dư đầu năm</b>	<b>18,186,696,782</b>
<b>Số tăng trong năm</b>	<b>1,583,907,789</b>
- Khấu hao trong năm	1,583,907,789
- Tăng khác	-
<b>Số giảm trong năm</b>	<b>2,242,660,688</b>
- Chuyển sang BĐS đầu tư	-
- Thanh lý, nhượng bán	2,242,660,688
- Giảm khác (kiểm kê thiếu)	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>17,527,943,883</b>
<b>Giá trị còn lại</b>	
<b>Tại ngày đầu năm</b>	<b>16,165,830,048</b>
<b>Tại ngày cuối năm</b>	<b>14,945,301,345</b>

b) Tình hình nợ phải trả:  
**PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

**Ngắn hạn**

Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần	5,933,991,184
Công ty TNHH DV Tổng Hợp Thành Đạt Long	-
Công ty TNHH MTV Cà Phê Tuấn Lộc	-
Ban Quản Lý Khu Công Nghiệp Nam Tân Uyên	1,080,506,177
Đối tượng khác	-

Công

7,014,497,361

**Phải trả người bán là các bên liên quan**

Tổng Công ty Thương Mại Kỹ Thuật Và Đầu Tư - Công ty Cổ Phần 5,933,991,184

**THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU, PHẢI NỢP NHÀ NƯỚC**

Số phải nộp trong năm

**Thuế và các khoản phải nộp**

Thuế giá trị gia tăng 11,386,102,482

+ Được khấu trừ

10,424,374,017

+ Phải nộp

961,728,465

Thuế thu nhập cá nhân

169,526,806

Thuế khác

5,000,000

**Cộng**

11,560,629,288

**CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Số cuối năm

**Ngắn hạn**

- Chi phí môi giới cho thuê kho -

- Chi phí vận chuyển

35,000,000

- Chi phí thuê cửa hàng xăng dầu

57,272,727

- Chi phí khác

179,433,000

**Cộng**

271,705,727

**PHẢI TRẢ KHÁC**

Số cuối năm

**Ngắn hạn**

- KPCĐ

44,288,286

- Nhận ký cược ký quỹ ngắn hạn

40,000,000

+ Công ty TNHH Phước Sơn

40,000,000



**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018**

	6,192,454,669
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	119,516,625
+ Ban Giải Phóng Mặt Bằng - CHXD 1	119,065,350
+ Đối tượng khác	451,275
<b>Cộng</b>	<u><b>6,396,259,580</b></u>
<b>Dài hạn</b>	
- Nhận ký cược ký quỹ dài hạn	4,795,715,643
+ Công ty CP Coffee Vina	16,880,637
+ Công ty TNHH Công nghệ Cao SDS Hà Nội	1,149,946,106
+ Công ty TNHH INDO - TRANS KEPPEL Logistics Việt Nam	272,880,000
+ Công ty TNHH Vòng Tròn Đỏ	-
+ Công ty TNHH Thép H-U Việt Nam	-
+ Công ty CP Sợi Ngọc Anh	166,666,500
+ Công ty TNHH SX TM DV Tân Tường Khang	538,000,000
+ Any Trim Enterprises	-
+ Công ty TNHH GRS Logistics Services	876,000,000
+ Công ty CP Bao bì Nông sản Miền Nam	948,236,400
+ Công ty TNHH TM&DV Hà Thanh Sơn - CN Bình Dương	827,106,000
<b>Cộng</b>	<u><b>4,795,715,643</b></u>
<b>DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN</b>	
	<u><b>Số cuối năm</b></u>
<b>Ngắn hạn</b>	
- Doanh thu cho thuê kho	902,260,000
<b>Cộng</b>	<u><b>902,260,000</b></u>

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: Không có

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với các điểm khác biệt (nếu có): Không có

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty: Không có

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải: Không có

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động: Không có

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương: Không có

#### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty :**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội:

- Công ty đã thực hiện đúng những gì trong nghị quyết Đại Hội Đồng Cổ Đông đã đề ra.

2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty:

- Ban Giám Đốc đã hoàn thành công việc được giao.

3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

- Tập trung vào việc tìm kiếm khách hàng thuê kho.
- Cắt giảm các nguyên nhân gây lỗ...
- Thúc đẩy công tác xử lý và thu hồi nợ khó đòi.
- Tiết giảm chi phí như: giảm chi phí thường xuyên và lao động dôi dư.

#### **V. Quản trị công ty:**

#### **VI. Báo cáo tài chính:**

1. Ý kiến kiểm toán:

- Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán:

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 03 năm 2019



**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018**

Đơn vị tính:  
VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>			
			<b>4,484,405,325</b>	<b>6,124,037,123</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	V.1		
Tiền	111	V.1	<b>238,946,505</b>	<b>1,665,786,105</b>
Các khoản tương đương tiền	112		238,946,505	1,665,786,105
			-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>			
Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
			-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>			
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.2	<b>3,572,605,653</b>	<b>4,192,646,922</b>
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		10,008,414,087	10,816,019,159
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		10,038,264,545	9,969,122,545
Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
Phải thu ngắn hạn khác	136	V.4	-	-
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		1,084,866,467	937,392,144
Tài sản thiếu chờ xử lý	139	V.5	(17,558,939,446)	(17,544,308,444)
			-	14,421,518
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	V.7		
Hàng tồn kho	141		<b>580,526,187</b>	<b>182,104,728</b>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		580,526,187	182,104,728
			-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>			
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.10	<b>92,326,980</b>	<b>83,499,368</b>
Thuế GTGT được khấu trừ	152	V.13	77,494,366	68,666,754
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		14,832,614	14,832,614
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018**

<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38,526,403,144</b>	<b>40,169,006,275</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>151,000,000</b>	<b>91,000,000</b>
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
Phải thu dài hạn khác	216	V.4	151,000,000	91,000,000
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>31,073,047,842</b>	<b>32,710,925,169</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	14,945,301,345	16,165,830,048
- Nguyên giá	222		32,473,245,228	34,352,526,830
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(17,527,943,883)	(18,186,696,782)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
Tài sản cố định vô hình	227	V.9	16,127,746,497	16,545,095,121
- Nguyên giá	228		18,562,280,139	18,562,280,139
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2,434,533,642)	(2,017,185,018)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		-	-
Chi phí SXKD dở dang dài hạn	241		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	V.3	<b>6,883,007,110</b>	<b>6,929,225,378</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.3	10,000,000,000	10,000,000,000
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	V.3	11,554,567,000	11,554,567,000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.3	(14,671,559,890)	(14,625,341,622)
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>419,348,192</b>	<b>437,855,728</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10		



**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018**

Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-	
Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	-	-	
Tài sản dài hạn khác	268	-	-	
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>	<b>43,010,808,469</b>	<b>46,293,043,398</b>	
<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>	<b>54,959,601,353</b>	<b>59,433,823,951</b>	
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>	<b>50,163,885,710</b>	<b>55,499,462,427</b>	
Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	7,014,497,361	7,823,056,192
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		68,428,302	385,718,302
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.13	207,363,965	80,481,147
Phải trả người lao động	314		53,822,775	57,481,076
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.14	271,705,727	443,408,618
Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.16	902,260,000	180,000,000
Phải trả ngắn hạn khác	319	V.15	6,396,259,580	6,455,408,392
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.11	35,249,548,000	40,073,908,700
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		-	-
Quỹ bình ổn giá	323		-	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>4,795,715,643</b>	<b>3,934,361,524</b>
Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
Phải trả dài hạn khác	337	V.15	4,795,715,643	3,934,361,524
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-

**CÔNG TY CP KHO VẬN PETEC Báo cáo thường niên năm 2018**

Quỹ phát triển khoa học, công nghệ	343	-	-
<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		
		<b>(11,948,792,884)</b>	<b>(13,140,780,553)</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	V.17	
		<b>(11,948,792,884)</b>	<b>(13,140,780,553)</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a	71,925,500,000	71,925,500,000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b	71,925,500,000	71,925,500,000
Thặng dư vốn cổ phần	412	-	-
Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413	-	-
Vốn khác của chủ sở hữu	414	-	-
Cổ phiếu quỹ	415	-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416	-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417	-	-
Quỹ đầu tư phát triển	418	-	-
		1,929,061,690	1,929,061,690
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419	-	-
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	-	-
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		
- LNST chưa phân phối lũy kể đến cuối kỳ trước	421a	(85,803,354,574)	(86,995,342,243)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b	(86,995,342,243)	(82,481,497,450)
Nguồn vốn đầu tư XDCB	422	1,191,987,669	(4,513,844,793)
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		
Nguồn kinh phí	431	-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432	-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		
<b>(440=300+400)</b>		<b>43,010,808,469</b>	<b>46,293,043,398</b>

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
**Năm 2018**

Đơn vị tính  
 Vĩ



<b>Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>01</b>	<b>VI.1</b>	<b>118,033,383,802</b>	<b>102,357,433,2</b>
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	
<b>Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)</b>	<b>10</b>		<b>118,033,383,802</b>	<b>102,357,433,2</b>
Giá vốn hàng bán	11	VI.2	108,139,605,749	97,511,959,50
<b>Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)</b>	<b>20</b>		<b>9,893,778,053</b>	<b>4,845,473,784</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	21,437,234	6,304,552
Chi phí tài chính	22	VI.4	3,556,779,863	3,945,709,12
- Trong đó: chi phí lãi vay	23		3,480,889,210	3,453,476,00
Chi phí bán hàng	25	VI.7	1,858,853,119	1,478,258,28
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	3,765,112,562	3,812,459,89
<b>Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30=20+(21-22)-(25+26)}</b>	<b>30</b>		<b>734,469,743</b>	<b>(4,384,648,96)</b>
Thu nhập khác	31	VI.5	505,039,793	
Chi phí khác	32	VI.6	47,521,867	129,195,831
<b>Lợi nhuận khác (40=31-32)</b>	<b>40</b>		<b>457,517,926</b>	<b>(129,195,831)</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)</b>	<b>50</b>		<b>1,191,987,669</b>	<b>(4,513,844,79)</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.9	-	
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	
<b>Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN (60=50-51-52)</b>	<b>60</b>		<b>1,191,987,669</b>	<b>(4,513,844,79)</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.10	166	(628)
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	166	(628)

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2018

Đơn vị tính:  
VND

Chi tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>1,191,987,669</b>	<b>(4,513,844,793)</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		2,001,256,413	2,296,912,096
- Các khoản dự phòng	03		60,849,270	590,008,458
- (Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		11,355,027	6,356,031
- (Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(459,523,602)	(2,406,239)
- Chi phí lãi vay	06		3,480,889,210	3,453,476,004
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>6,286,813,987</b>	<b>1,830,501,557</b>
- (Tăng)/giảm các khoản phải thu	09		546,163,685	550,109,454
- (Tăng)/giảm hàng tồn kho	10		(398,421,459)	53,394,281
- Tăng/(giảm) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11		337,688,688	595,271,572
- (Tăng)/giảm chi phí trả trước	12		9,679,924	(469,149,673)
- (Tăng)/giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(3,480,889,210)	(3,453,476,004)
- Thuế TNDN đã nộp	15		-	-
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		-	(110,850,885)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>3,301,035,615</b>	<b>(1,004,199,698)</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(625,843,146)	(677,043,139)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các	22		-	-



Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2,969,481	2,406,239
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>96,144,516</b>	<b>(674,636,900)</b>
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
Tiền thu từ đi vay	33		60,195,146,000	65,323,060,300
Tiền trả nợ gốc vay	34		(65,019,506,700)	(62,570,954,200)
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>		<b>(4,824,360,700)</b>	<b>2,752,106,100</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b> (50=20+30+40)	<b>50</b>		<b>(1,427,180,569)</b>	<b>1,073,269,502</b>
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	1,665,786,105	597,555,793
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		340,969	(5,039,190)
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b> (70=50+60+61)	<b>70</b>	<b>V.1</b>	<b>238,946,505</b>	<b>1,665,786,105</b>

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



GIÁM ĐỐC  
Huỳnh Xuân Hồng

T. C. P.  
L. H. H. H.